

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP: HỖ TRỢ HỌC PHÍ HỌC KỲ 3 NĂM 2026 CHO SINH VIÊN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Kèm theo Quyết định số _____ /QĐ-ĐHTCM ngày _____ /10/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

STT	Khóa học	Mức học phí 1 năm học (đ)	Hỗ trợ 40%		Hỗ trợ 50%		Tổng cộng	
			Số lượng SV	Mức hỗ trợ (đ)	Số lượng SV	Mức hỗ trợ (đ)	Số lượng SV	Số tiền hỗ trợ (đ)
	Tính mức hỗ trợ 4 tháng (Học phí 1 năm học/10 tháng *4)							
I	TRỤ SỞ CHÍNH - TPHCM							
1	Khóa 23D	25.000.000	52	4.000.000	11	5.000.000	63	263.000.000
2	Khóa 24D	28.000.000	49	4.480.000	19	5.600.000	68	325.920.000
3	Khóa 25D	30.000.000	58	4.800.000	34	6.000.000	92	482.400.000
4	Khóa 26D	30.000.000	41	4.800.000	38	6.000.000	79	424.800.000
	Cộng:		200		102		302	1.496.120.000
II	PHÂN HIỆU TỈNH QUẢNG NGÃI							
1	Khóa D12	17.900.000	1	2.864.000	2	3.580.000	3	10.024.000
2	Khóa D13	17.900.000	3	2.864.000	6	3.580.000	9	30.072.000
3	Khóa D14	17.900.000	6	2.864.000	6	3.580.000	12	38.664.000
4	Khóa 26D	25.500.000	4	4.080.000	1	5.100.000	5	21.420.000
	Cộng:		14		15		29	100.180.000
III	PHÂN HIỆU THÀNH PHỐ HUẾ							
1	Khóa D13	17.900.000	1	2.864.000	0	3.580.000	1	2.864.000
2	Khóa D14	17.900.000	1	2.864.000	1	3.580.000	2	6.444.000
3	Khóa 26D	25.500.000	10	4.080.000	3	5.100.000	13	56.100.000
	Cộng:		12		4		16	65.408.000
	Tổng cộng:		226	0	121	0	347	1.661.708.000

Trong đó:

Mức	Đối tượng
50%	Sinh viên thuộc hộ nghèo
	Sinh viên có Cha hoặc Mẹ bị bệnh hiểm nghèo
	Sinh viên có Anh/Chị/Em đang học tại Trường
	Sinh viên mồ côi cả Cha lẫn Mẹ (Không có Quyết định trợ cấp xã hội để chuyển sang chế độ miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP)
40%	Sinh viên thuộc hộ cận nghèo
	Sinh viên có Cha hoặc Mẹ mất
	Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn khác